TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HS-ST
Ngày: 14-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Vũ Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Thị Thảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Bà Đặng Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 26-4-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HS ngày 31-5-2024, đối với bị cáo:

Đinh Viết K - Sinh năm 1955; Giới tính: Nam.

Nơi thường trú: Tổ dân phố A - thị trấn M - huyện M - tỉnh Nam Định.

Số CCCD: 036055003411; Cấp ngày 23-7-2018.

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư - Bộ C1.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 9/10. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Đinh Bá R; Mẹ đẻ: Trần Thị T (đều đã chết);

Vợ: Bùi Thị X, sinh năm 1957; Có 01 con sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

* **Người bào chữa cho bị cáo**: Bà Trần Thị N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung

tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N;

* **Nguyên đơn dân sự**: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N;

+ Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu T1 - Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh N.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện M - tỉnh Nam Định.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Á - Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện chương trình phối hợp giữa Bộ L và Bộ Q, năm 2016 Đoàn thanh tra liên ngành đã tiến hành thanh tra hồ sơ thương binh được xác lập từ năm 1999 đến năm 2013 tại Quân khu C2 và phát hiện 07 trường hợp sử dụng giấy tờ tẩy xóa, giấy tờ giả mạo để hưởng chế độ thương binh. Đ đã chuyển hồ sơ đến CQĐT - Công an tỉnh N trong đó có hồ sơ của ông Trần Xuân C; ông Trần Đình N1 và Đinh Viết K (sinh năm 1955, trú tại: TDP A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Nam Định) để xử lý theo quy định của pháp luật. Kết quả điều tra xác định như sau:

Đinh Viết K tham gia nhập ngũ từ tháng 12/1972 và được biên chế tại Đại đội 3, Tiểu đoàn D, Trung đoàn A, Sư đoàn 3, Quân khu E (C3, D4, E12, F3, QK5). Quá trình tham gia chiến đấu trong quân đội, khoảng tháng 01/1975 (trước Tết Âm lịch), K tham gia một trận chiến chống lấn chiếm vùng giải phóng tại Cao điểm 174 ở H - Bình Định không may bị thương do mảnh kim khí văng vào, vết thương phần mềm ở đầu gối trái và mạn sườn trái. Thương tích bị nhẹ, rách da chảy máu, tự băng bó để tiếp tục chiến đấu, sau này cũng không điều trị ở đâu, không để lại thương tật gì và không được cấp Giấy chứng nhận bị thương . Ngày 31/10/1975, K xuất ngũ trở về địa phương, khi xuất ngũ được cấp 01Quyết định xuất ngũ số 252, đề ngày 25/10/1975 của Thủ trưởng Sư đoàn C2, không được cấp giấy chứng nhận bị thương.

Khoảng năm 2006, K tham gia họp hội đồng ngũ những người quê hương Nam Định chiến đấu ở Sư đoàn 3, Quân khu E thì được một số đồng đội cho biết Đảng và Nhà nước có chính sách ưu đãi chế độ cho những người tham gia chiến trường bị thương nhưng chưa được hưởng chế độ gì và hướng dẫn về lại đơn vị cũ (nay là Sư đoàn C2, hay còn gọi là Sư đoàn S, Quân khu C2, địa chỉ: xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang) xin trích lại hồ sơ lưu trữ của Sư đoàn để về làm hồ sơ xin được xét hưởng chế độ thương binh. Sau đó, K đã lên Sư đoàn 3 để xin hồ sơ thì được một cán bộ

Chính sách thuộc Sư đoàn C2 tiếp xúc, làm việc (do đã lâu nên K không nhớ người này tên đầy đủ là gì, chỉ nhớ tên là T2, không biết ở đâu, cũng không nhớ được mặt người này, nếu gặp lại cũng không thể nhận ra). Quá trình làm việc, K đưa cho người này xem Quyết định xuất ngũ số 252, đề ngày 25/10/1975 và nói rõ mình bị thương tích ở đầu gối trái và sườn trái nhưng chỉ bị thương nhẹ, không được cấp Giấy chứng nhận bị thương, muốn xin đơn vị cũ xác nhận cho các giấy tờ để làm hồ sơ thương binh. Sau quá trình trao đổi, người cán bộ Chính sách kể trên đã nhận lời xin cho K các thủ tục, giấy tờ để làm hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ thương binh, đồng thời yêu cầu K đưa chi phí là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Sau đó K đưa đủ số tiền trên cùng Quyết định phục viên số 252 của mình cho người này và được hẹn sau một tuần quay lại lấy giấy tờ. Khoảng một tuần sau, K quay lại Sư đoàn 3 gặp người cán bộ Chính sách kể trên thì người này giao cho các tài liệu gồm: 03 Giấy chứng nhận bị thương số 293/GCNBT ngày 02/6/2006, ghi của Sư đoàn 3 Quân khu C2 cấp cho Đinh Viết K ; 03 Bản sao sổ danh sách thương binh (quyển 3) của Trung đoàn A (phần có tên Đinh Viết K ở số thứ tự 162 bị thương vết thương đầu gối trái, sườn trái, sức ép bom); 03 Giấy giới thiệu của Sư đoàn C2 về Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh N, nội dung thông báo cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh N biết về quá trình tham gia quân đội và thương tích của K để làm cơ sở giải quyết chế độ chính sách cho Đinh Viết K. Sau khi có được các giấy tờ này, K có đến UBND Thị trấn M xin hồ sơ về để kê khai và nộp, nhưng làm nhiều lần vẫn không được hưởng chế độ thương binh mà không rõ lý do.

Sau nhiều lần làm hồ sơ không được, K nghe nhiều người đồn về ông Hoàng Văn M [sinh năm 1955, tên thường gọi là M1, trú tại: xóm E, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định (đã chết từ năm 2012)] đã làm hồ sơ giúp cho nhiều người được hưởng chế độ thương binh. Nên khoảng giữa năm 2008, K trực tiếp đến nhà gặp và nhờ ông M giúp mình làm hồ sơ để được hưởng chế độ thương binh. K đưa cho ông M các giấy tờ tài liệu bản sao và bản chính gồm: Giấy chứng nhận bị thương số 293; Bản sao Sổ danh sách thương binh của Trung đoàn A; Quyết định xuất ngũ số 252; Lý lịch quân nhân; Đơn xin hưởng chế độ thương binh. Sau khi xem các tài liệu trên thì ông M nói rằng Giấy chứng nhận bị thương số 293 không có giá trị, hồ sơ của K chỉ còn thiếu Giấy chứng thương của đơn vị cũ, nếu đồng ý để ông M làm giúp thì chi phí trọn gói hết 11.000.000 đồng, đưa trước số tiền 5.000.000 đồng để đi xin Giấy chứng thương. Mặc dù K biết mình có bị thương nhưng vết thương nhẹ, không phải điều trị ở cơ sở y tế nào, không để lại thương tật nên khi xuất ngũ không được cấp Giấy chứng thương, nhưng vì muốn được hưởng chế độ trợ cấp thương binh để có tiền lo chi phí sinh hoạt khi về già nên K hiểu việc đưa tiền cho ông M là để "mua" giấy tờ, mục đích về làm chế độ thương binh nên đã đồng ý và đã đưa cho ông M số tiền 5.000.000đồng (năm triệu đồng). Việc giao nhận tiền không có ai chứng kiến,

không viết giấy tờ biên nhận gì. Khoảng 02 tháng sau, ông M giao cho K một bộ hồ sơ gồm các tài liệu do K đã đưa cho ông M từ trước cùng 01 Giấy chứng nhận bị thương số 514/CNBT đề ngày 10/10/1975, ghi của Trung đoàn A, Sư đoàn 3 cấp cho Đinh Viết K. Khi nhận được Giấy chứng nhận bị thương này, bản thân K nhận thức được đây là giấy tờ giả, không đúng với sự thật xảy ra với mình vì K không được Trung đoàn 12 cấp Giấy chứng nhận bị thương. Nhưng K hiểu đây là giấy tờ cần có để làm hồ sơ thương binh cho mình và đã bỏ tiền ra cho ông M để "mua" giấy tờ này nên K không có ý kiến gì mà tiếp tục làm theo hướng dẫn của ông M. Sau đó K viết Bản khai cá nhân, Đơn xin giám định thương tật lần đầu theo hướng dẫn của ông M và đưa tiếp cho ông M số tiền 3.000.000 đồng như đã thỏa thuận rồi mang hồ sơ nộp lên UBND thị trấn M. Khoảng 02 tháng sau, K nhận được giấy gọi đi khám giám định thương tật, lúc này K đưa tiếp cho ông M số tiền 3.000.000 đồng theo thỏa thuận từ trước. Ông M nói rõ số tiền này là để xin cho K được tỷ lệ thương tật cao hơn so với thực tế để được hưởng chế độ thương binh. Đến ngày 11/6/2010, K được Hội đồng giám định y khoa, Quân khu C2 khám giám định và xác định: Vết thương phần mềm đầu gối trái ảnh hưởng thần kinh, hạn chế vận động, vết thương phần mềm sườn trái, sức ép bom, có di chứng suy nhược thần kinh nặng sau sức ép, giảm sức nghe 2 tai mức độ vừa, kết luận tỷ lệ thương tật 41% vĩnh viễn. Ngày 10/8/2010, Bộ C2 ban hành Quyết định số 137/QĐ-K3 về việc cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật đối với Đinh Viết K. Sau đó, K được hưởng chế độ trợ cấp đối với thương binh loại A, hạng 3/4 kể từ ngày 11/6/2010 đến tháng 10/2020, tổng số tiền K đã lĩnh hưởng là 206.707.000 đồng.

Ngày 25/12/2020, Bộ C2 ban hành Quyết định số 13/QĐ-BTL về việc thu hồi quyết định và giấy chứng nhận thương binh đối với K do xác định Giấy chứng nhận bị thương số 514 CNBT, đề ngày 10/10/1975 mà K sử dụng trong hồ sơ là giấy tờ giả. Đinh Viết K đã nộp lại toàn bộ số tiền 206.707.000 đồng cho Phòng Lao động , Thương binh và Xã hội huyện M để khắc phục hậu quả.

Sư đoàn C2, Quân khu C2(trước đây là Sư đoàn C2, Quân khu E) cung cấp: thời điểm năm 1975, Sư đoàn C2 có đơn vị C3, D4 , E12. Hiện đơn vị không lưu trữ Giấy chứng nhận bị thương số 514, Quyết định xuất ngũ số 252, tra cứu Sổ danh sách thương binh của Trung đoàn A có tên Đinh Viết K ở số thứ tự 77, trang 27, không xác định được thời điểm lập Sổ danh sách thương binh.

Tại Bản kết luận giám định số 53/KL-GĐKTHS ngày 16/3/2023 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Q kết luận: Giấy chứng nhận bị thương số 514 CNBT, đề ngày 10/10/1975, ghi của Trung đoàn 12 Sư đoàn 3 cấp cho Đinh Viết K có dấu hiệu bất thường.

Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 039/KLTTCT-TTPY ngày 05/4/2023 của Trung tâm pháp y – Sở Y kết luận: không có sẹo gối trái, không có sẹo thành bên mạn sườn ngực trái, không có hậu quả di chứng thương tích do sức ép, không có tổn thương.

Tại CQĐT, Đinh Viết K khai nhận hành vi như nêu trên và trình bày: bản thân có tham gia quân đội, có bị thương rách da nhưng không bị thương tật gì, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, ở địa phương có nhiều người làm hồ sơ thủ tục để được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước đối với người có công nên cũng nhờ làm thủ tục để hàng tháng có thêm thu nhập lo chi phí cho gia đình.

Đối với hồ sơ hưởng chế độ thương binh của các ông Trần Xuân C, ông Trần Đình N1, các Giấy chứng nhận bị thương có dấu hiệu bất thường. Tại CQĐT, các ông C, N1, đều khai nhận bản thân đi bộ đội và có bị thương. Khi xuất ngũ có được cấp Giấy chứng nhận bị thương. Khi trở về địa phương đã nộp Giấy chứng nhận bị thương và các giấy tờ khác đề nghị hưởng chế độ nhưng sau đó bị thất lạc. Khoảng năm 2004 cả hai ông đã nhờ ông Lê Văn V [sinh năm 1958 ở thôn H, xã M, huyện M (chết năm 2006)] là bạn đồng ngũ xin lại các Giấy tờ bị mất. Một thời gian sau ông V đưa các Giấy tờ cho ông C và ông N1 để hai ông hoàn thiện hồ sơ đề nghị hưởng chế độ. Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 038/KLTTCT-TTPY và số 040/KLTTCT-TTPY ngày 05/4/2023 của Trung tâm pháp y – Sở Y kết luận: Ông Trần Xuân C có sẹo cũ hàm dưới phải, mông phải, gối trái, mu bàn chân trái, có dị vật cản quang ở bàn chân trái. Ông Trần Đình N1 có sẹo dưới xương đòn và mông phải, có dị vật cản quang thành ngực phải.

*Cáo trạng số 30/CT-VKS-P3 ngày 19-4-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Đinh Viết K về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

*Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng đã truy tố, đã xác định VKSND tỉnh Nam Định truy tố bị cáo là đúng tội, không oan.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS

Xử phạt bị cáo từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"

Xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Về trách nhiệm dân sự, do bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ số tiền đã chiếm hưởng nên không xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nữa.

*Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội, trong phần tranh luận đối đáp:

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí tội danh và điều luật mà VKSND tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hiện bị cáo tuổi cao sức khoẻ yếu do mắc nhiều bệnh, đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất chính, nhân thân không có tiền án tiền sự, bản thân cũng là người có công với xã hội, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của VKSND tại phiên toà.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, và không có ý kiến trình bày tranh luận bổ sung.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; bằng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra, thấy có đủ cơ sở kết luận:

Đinh Viết K tham gia quân đội từ tháng 12-1972 đến ngày 31-10-1975 xuất ngũ trở về địa phương. Quá trình tham gia quân đội K có bị thương rách da nhưng không bị thương tật gì và không được cấp giấy chứng nhận bị thương.

Vào khoảng tháng 4-2010, Đinh Viết K đã lợi dụng bản thân có tham gia quân đội, bản thân không bị thương tật gì nhưng muốn được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước đối với thương binh, nên Đinh Viết K đã sử dụng Giấy chứng nhận bị thương giả đưa vào hồ sơ nộp cho cơ quan có thẩm quyền để được xét hưởng chế độ trợ cấp thương binh, đã được Bộ C2 cấp Giấy chứng nhận thương binh loại A, hạng 3/4. Từ ngày 11/6/2010 đến tháng 10/2020, hàng tháng Đinh Viết K đã nhận tiền trợ cấp thương tật của Nhà nước, đã chiếm hưởng tổng số tiền 206.707.000 đồng của Ngân sách Nhà nước.

Hành vi Đinh Viết K sử dụng 01 Giấy chứng nhận bị thương giả nộp cho cơ quan có thẩm quyền để làm hồ sơ xét duyệt là thương binh hạng 3/4, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", theo quy định tại khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999.

Đồng thời hành vi của Đinh Viết K gian dối là thương binh để làm hồ sơ xét hưởng chế độ chính sách, hàng tháng được lĩnh tiền trợ cấp của Nhà nước chiếm hưởng cá nhân, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do tổng số tiền mà Đinh Viết K đã chiếm đoạt của Ngân sách Nhà nước là 206.707.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 BLHS năm 2015.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu; đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước. Bị cáo là những người có đủ năng lực, tự nhận thức và biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng do mục đích tư lợi hám lời, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, với tính chất tội phạm nghiêm trọng được thể hiện ở số tiền mà bị cáo đã chiếm hưởng cá nhân. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội địa phương, Vì vậy hành vi của bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Khi lượng hình xét thấy:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 BLHS.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất chính; bản thân bị cáo đã tham gia quân đội và đang được hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc da cam (chế độ người có công), bản thân bị cáo hiện sức khoẻ yếu vì mắc nhiều bệnh, Phòng lao động thương binh xã hội huyện M

có công văn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Trên cơ sở xem xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ; đối chiếu với các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thực thi Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo K không có tình tiết tăng nặng, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, nhân thân không có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; Do đó đối với tội "Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" Hội đồng xét xử sẽ áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính; đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 54 BLHS để ấn định cho bị cáo mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt truy tố và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian.

Như vậy mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm mà Đảng và Nhà nước đã đề ra đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội đã biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân.

[5] Hình phạt bổ sung:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính mưu lợi cá nhân nhất thời, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền chiếm hưởng bất chính từ hành vi phạm tội, nên Hội đồng xét xử sẽ miễn hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp pháp luật.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Toàn bộ số tiền bị cáo chiếm hưởng từ hành vi phạm tội đã được bị cáo tự nguyện nộp hoàn trả lại cho Phòng thương binh xã hội huyện M, nên không xem xét trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nữa.

[7] Căn cứ Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Viết K phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 267 BLHS năm 1999; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS;

Xử phạt bị cáo Đinh Viết K 10 triệu đồng về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Đinh Viết K 02 (hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

5. Án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Đinh Viết K phải nộp 200.000 đồng.

Báo bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan, đều được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Mai Hương

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- CA, VKS tỉnh NĐ
- Cục THA dân sự tỉnh Nam Định
- Bị cáo; Người tham gia tt
- Lưu HS, tòa HS